

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/DSST

Ngày 20-8-2020

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản và kiện đòi tiền nợ hui

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thảo;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và kiện đòi nợ hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2020/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ 1, khu phố P, phường P, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Bùi Văn T1, sinh năm 1965; địa chỉ: Số A149/6A, đường Bàu Bàng, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ngày 03-12-2019). Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn:

+ Ông Võ Thanh H1, sinh năm 1971; địa chỉ thường trú: Tổ 3, khu phố 5, phường Vĩnh Tân, thị xã T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ nơi ở hiện tại: Tổ 1, khu phố Phú Trung, phường Phú Chánh, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

+ Bà Trương Thị T, sinh năm 1976; địa chỉ thường trú: Tổ 3, khu phố 5, phường Vĩnh Tân, thị xã T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ nơi ở hiện tại: Tổ 1, khu phố Phú Trung, phường Phú Chánh, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 13-11-2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị Tuyết H là bạn bè quen biết với ông Võ Thanh H1 và bà Trương Thị T. Ngày 01-01-2013, bà H có cho vợ chồng ông Võ Thanh H1 và bà Trương Thị T vay số tiền là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng), không thỏa Tận lãi suất, thời hạn vay đến ngày 01-01-2015. Việc vay tiền có lập “Giấy mượn tiền ngày 01-01-2013” được ông H1 và bà T ký tên xác nhận.

Ngoài ra, ông H1 và bà T còn tham gia chơi hụi do bà Nguyễn Thị Tuyết H làm chủ hụi và đã hốt hụi. Ngày 15-5-2013, ông H1 viết giấy xác nhận nợ hụi cho bà H. Nội dung “Giấy thiếu tiền hụi” ngày 15-5-2013 ghi rõ ông Võ Thanh H1 và bà Trương Thị T thiếu bà Nguyễn Thị Tuyết H số tiền hụi là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), có bà Trương Thị T ký tên xác nhận. Ngày 17-6-2017, ông H1 và bà T đã trả cho bà H số tiền là 66.000.000 đồng, còn nợ lại bà H 84.000.000 đồng (Tám mươi bốn triệu đồng).

Từ năm 2017 đến nay, đã quá hạn thanh toán nhưng ông H1 và bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cho bà H, bà H đã nhiều lần yêu cầu ông H1, bà T trả tiền nhưng ông H1, bà T hẹn nhiều lần nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà H. Do đó, bà H khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản và kiện đòi tiền nợ hụi với bị đơn là ông Võ Thanh H1 và bà Trương Thị T, yêu cầu ông H1, bà T trả cho bà H số tiền đã vay là 160.000.000 đồng và tiền nợ hụi là 84.000.000 đồng, tổng cộng là 244.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi bốn triệu đồng). Bà H không yêu cầu tính lãi suất.

Chứng cứ nguyên đơn xuất trình là “Giấy mượn tiền ngày 01-01-2013” và “Giấy thiếu tiền hụi ngày 15-5-2013”

Tại bản tự khai ngày 05-3-2020, bị đơn ông Võ Thanh H1 và bà Trương Thị T trình bày: Ông H1, bà T có vay tiền của bà H và có tham gia chơi hụi và hốt hụi do bà H làm chủ. Tuy nhiên, do tiền lãi quá cao nên ông H1, bà T không trả nổi, số tiền 244.000.000 đồng là tổng cộng tiền nợ vay gốc, tiền nợ hụi gốc và cả tiền lãi cao. Ông H1, bà T thừa nhận số tiền nợ đã vay và tiền nợ hụi là Tuyết H là 244.000.000 đồng.

Ngày 05-3-2020, bị đơn ông Võ Thanh H1 và bà Trương Thị T có bản tự khai nộp cho Tòa án, ông H1 và bà T thừa nhận có nợ bà Nguyễn Thị Tuyết H số tiền là 244.000.000 đồng và cho rằng đây là số tiền bao gồm cả nợ gốc và số nợ lãi.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn ông Võ Thanh H1 và bà Trương Thị T đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng và triệu tập làm việc, hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ nhưng ông H1 và bà T không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Theo biên bản xác minh ngày 21-5-2020, tại Công an phường Vĩnh Tân, thị xã T, tỉnh Bình Dương: Ông Võ Thanh H1, sinh năm 1971 và bà Trương Thị T sinh năm 1976 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 3, khu phố 5, phường Vĩnh Tân, thị xã T, tỉnh Bình Dương tuy nhiên ông H1, bà T không thực tế cư trú tại địa phương.

Theo biên bản xác minh ngày 21-5-2020, tại Công an phường Phú Chánh, thị xã T, tỉnh Bình Dương: Ông Võ Thanh H1, sinh năm 1971 và bà Trương Thị T, sinh năm 1976 hiện tại có nhà và đang sinh sống tại địa chỉ tổ 1, khu phố Phú Trung, phường Phú Chánh, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa: Ông Bùi Văn T1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Võ Thanh H1 và bà Trương Thị T vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T:

- Về tố tụng: Vụ án Tộc thẩm quyền xét xử của Tòa án và còn trong thời hạn giải quyết. Về việc tuân theo pháp luật thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định. Người đại diện theo pháp của nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Bị đơn ông Võ Thanh H1 và bà Trương Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa do đó đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông H1 và bà T phải trả cho bà H số tiền là 244.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông Võ Thanh H1 và bà Trương Thị T có địa chỉ thường trú tại tổ 3, khu phố 5, phường Vĩnh Tân, thị xã T, tỉnh Bình Dương và hiện đang cư trú tại tổ 1, khu phố Phú Trung, phường Phú Chánh, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin vắng mặt. Các bị đơn ông Võ Thanh H1 và bà Trương Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và các bị đơn ông Võ Thanh H1 và bà Trương Thị T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Tuyết H khởi kiện yêu cầu ông Võ Thanh H1 và bà Trương Thị T trả số tiền nợ là 244.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi bốn triệu đồng). Trong đó, tiền nợ đã vay là 160.000.000 đồng và tiền nợ hui là 84.000.000 đồng. Chứng cứ nguyên đơn xuất trình là “Giấy mượn tiền ngày 01-01-2013” với nội dung ông H1 và bà T mượn bà H số tiền là 160.000.000 đồng, không thỏa Tận lãi suất, thời hạn vay đến ngày 01-01-2015, ông H1, bà T ký tên xác nhận. Và “Giấy thiếu tiền hui ngày 15-05-2013” với nội dung ông Võ Thanh H1 và bà Trương Thị T nợ bà Nguyễn Thị Tuyết H số tiền hui là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), có bà Trương Thị T ký tên xác nhận, không thỏa Tận lãi suất. Ngày 17-6-2017, ông H1 và bà T đã trả cho bà H số tiền là 66.000.000 đồng, còn nợ lại bà H 84.000.000 đồng (Tám mươi bốn triệu đồng).

Tại bản tự khai ngày 05-3-2020, bị đơn ông Võ Thanh H1 và bà Trương Thị T thừa nhận giữa nguyên đơn và bị đơn có quan hệ vay mượn và chơi hui. Các bị đơn thừa nhận có nợ bà Tuyết H số tiền 244.000.000 đồng, đây là T1 tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ đã vay và số tiền nợ hui là 244.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Các bị đơn thừa nhận nợ và cho rằng số tiền này bao gồm tiền nợ vay đã gốc, tiền nợ hui và tiền lãi với lãi suất cao.

Do vậy, có căn cứ xác định bị đơn ông Võ Thanh H1 và bà Trương Thị T có vay tiền và thiếu tiền hui của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H số tiền 310.000.000 đồng, đã trả 66.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền nợ gốc là 244.000.000 đồng nên yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ chấp nhận. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Về án phí: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 92; Điều 147, Điều 228; Điều 229; Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng:

- Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H đối với bị đơn ông Võ Thanh H1 và bà Trương Thị T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và kiện đòi tiền nợ hui.

1. Buộc ông Võ Thanh H1 và bà Trương Thị T phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Tuyết H tiền nợ là 244.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi bốn triệu đồng)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ đối với số tiền phải thi hành án thì còn phải chịu lãi suất đối với số tiền phải thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí sơ thẩm:

- Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H số tiền là 6.100.000 đồng (Sáu triệu một trăm nghìn đồng) theo Biên lai T tiền số AA/2016/0037654 ngày 20-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn ông Võ Thanh H1 và bà Trương Thị T phải nộp số tiền án phí là 12.200.000 đồng (Mười hai triệu hai trăm nghìn đồng).

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01) ;
- VKSND thị xã T (01) ;
- Chi cục THADS thị xã T (01);
- Các đương sự (03);
- Lưu VT, HS (02).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Sơn